

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – HP (23401315)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2122120569	Đặng Thùy	Anh	21/06/2003	Quản trị KD tổng hợp P	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
2	2122270032	Bảo Ngọc Kim	Châu	27/12/2004	Quản trị nhà hàng A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
3	2122100024	Nguyễn Thị Mai	Chi	15/12/2003	Kế toán A	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
4	2122100050	Trần Ngọc Kim	Chi	25/11/2004	Kế toán B	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
5	2122120294	Chế Công	Chiến	19/02/2004	Quản trị KD tổng hợp I	5.0	5.0	8.0	8.0	6.5	
6	2122120302	Vũ Hoàng	Chươn g	28/01/2004	Quản trị KD tổng hợp I	5.0	8.0	8.0	8.0	7.3	
7	2122100058	Nguyễn Thị Kim	Đài	15/07/2004	Kế toán B	10.0	7.0	10.0	10.0	9.3	
8	2122120309	Huỳnh Thị Mỹ	Đoan	16/05/2003	Quản trị KD tổng hợp J	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
9	2122100202	Phạm Thị Thu	Hà	01/01/2003	Kế toán F	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
10	2123200184	Thái Nhật	Hà	25/03/2000	Quản trị xuất nhập khẩu B	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
11	2122240068	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	10/06/2003	Tiếng Anh C	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
12	2122110323	Dương Nhật	Hoài	30/12/2004	Công nghệ thông tin I	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
13	2122100064	Trịnh Thị Kim	Huê	07/10/2004	Kế toán B	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
14	2122120300	Trần Thị Thu	Huê	12/08/2004	Quản trị KD tổng hợp I	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
15	2122120102	Lê Văn	Hùng	26/02/2001	Quản trị KD tổng hợp C	8.0	7.0	9.0	9.0	8.3	
16	2122100203	Đa Thị Huỳnh	Hương	28/04/2004	Kế toán F	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
17	2122240077	Nguyễn Ngọc Kiều	Hương	05/05/2003	Tiếng Anh C	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
18	2122100051	Nguyễn Ngọc Thanh	Lam	25/02/2004	Kế toán B	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
19	2122100072	Tô Thị Phương	Loan	20/03/2004	Kế toán B	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
20	2120170503	Nguyễn Đức	Lộc	22/09/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
21	2122240110	Hoàng Thị	Mai	10/11/2001	Tiếng Anh D	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
22	2122100054	Nguyễn Thị	Mai	04/11/2004	Kế toán B	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
23	2120170661	Nguyễn Thanh	Minh	12/11/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
24	2122100163	Lê Thị Diễm	My	20/02/2004	Kế toán E	8.0	5.0	5.0	5.0	5.8	
25	2122100049	Phan Trịnh My	My	27/12/2004	Kế toán B	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
26	2122100196	Lê Thị Thu	Nam	06/10/2004	Kế toán F	8.0	5.0	5.0	5.0	5.8	
27	2121270056	Trương Hoài	Nam	31/07/2002	Quản trị nhà hàng B	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
28	2122110364	Hồ Thị Huỳnh	Nghi	19/05/2004	Kế toán E	8.0	5.0	5.0	5.0	5.8	
29	2122120293	Nguyễn Thị Minh	Nghĩa	02/09/2004	Quản trị KD tổng hợp I	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
30	2122100194	Hồ Thị	Ngọc	13/01/2003	Kế toán F	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
31	2122240089	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	10/02/2004	Tiếng Anh C	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
32	2122110413	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	17/06/2004	Công nghệ thông tin K	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
33	2122100283	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	01/01/2002	Kế toán I	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
34	2122100209	Lư Huỳnh Trúc	Nhã	27/02/2004	Kế toán F	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
35	2122100178	Huỳnh Yến	Nhi	13/06/1999	Kế toán F	10.0	7.0	9.0	9.0	8.8	
36	2122120336	Lê Thị Quỳnh	Nhi	12/06/2004	Quản trị KD tổng hợp J	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
37	2122270157	Nguyễn Thị Yến	Nhi	02/04/2004	Quản trị nhà hàng E	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
38	2122100319	Phạm Ngọc Mỹ	Nhung	03/10/2004	Kế toán A	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
39	2122120380	Nguyễn Thị Thu	Phương	21/09/2003	Quản trị KD tổng hợp L	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
40	2122120444	Trương Ngọc Linh	Quy	15/07/2004	Quản trị KD tổng hợp M	8.0	5.0	8.0	8.0	7.3	
41	2122120328	Kiều Thị Như	Quỳnh	23/01/2004	Quản trị KD tổng hợp J	10.0	7.0	10.0	10.0	9.3	
42	2120170480	Lê Thanh	Sang	05/05/2001	Công nghệ kỹ thuật ô tô N	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
43	2122110474	Hoàng Quốc Thành	Tâm	25/01/2004	Công nghệ thông tin L	10.0	7.0	9.0	9.0	8.8	
44	2122240148	Hoàng Đăng Thế	Tân	01/04/2004	Tiếng Anh E	5.0	5.0	6.0	6.0	5.5	
45	2122120473	Lê Thị Hồng	Thắm	04/10/2004	Quản trị KD tổng hợp N	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
46	2122270042	Phạm Thị Thu	Thảo	07/12/2004	Quản trị nhà hàng B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
47	2121050028	Nguyễn Sỹ	Thiện	13/02/2002	Điện công nghiệp A	10.0	7.0	5.0	5.0	6.8	
48	2122110325	Nguyễn Bá	Thịnh	17/09/2001	Công nghệ thông tin I	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
49	2122120443	Lý Thị Anh	Thom	01/01/2004	Quản trị KD tổng hợp M	10.0	7.0	10.0	10.0	9.3	
50	2122240090	Đặng Trần Anh	Thư	24/11/2004	Tiếng Anh C	10.0	7.0	10.0	10.0	9.3	
51	2122100026	Võ Ngọc Anh	Thư	10/11/2004	Kế toán A	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
52	2122100065	Đặng Hoài	Thươn g	01/11/2004	Kế toán B	8.0	7.0	5.0	5.0	6.3	
53	2122100145	Đặng Lê Như	Thươn g	25/10/2004	Kế toán E	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
54	2122100020	Bạch Lê Như	Thùy	22/08/2003	Kế toán A	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
55	2122240203	Đỗ Thị	Thủy	10/11/2001	Tiếng Anh D	8.0	7.0	5.0	5.0	6.3	
56	2122100181	Lê Thị Cẩm	Tiên	09/11/2004	Kế toán F	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
57	2122030113	Huỳnh Minh	Toàn	07/11/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
58	2122100195	Phạm Thị Ngọc	Trâm	13/03/2004	Kế toán F	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
59	2122270150	Hồ Lương Huyền	Trân	22/08/2004	Quản trị nhà hàng E	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
60	2122100025	Lâm Bảo	Trân	26/11/2004	Kế toán A	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
61	2122100044	Huỳnh Thị Huyền	Trang	07/11/2004	Kế toán B	8.0	7.0	8.0	8.0	7.8	
62	2122100183	Phạm Ngọc	Trang	19/04/2004	Kế toán F	10.0	7.0	10.0	10.0	9.3	
63	2122100190	Võ Ngọc Lan	Trình	30/04/2004	Kế toán F	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
64	2122240107	Ông Thị Cẩm	Trúc	05/01/2004	Tiếng Anh D	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
65	2121200110	Bùi Quang	Trường	21/01/2002	Quản trị xuất nhập khẩu D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
66	2121050029	Võ Thành	Tuân	17/11/2003	Điện công nghiệp A	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
67	2122110476	Vũ Văn	Tùng	22/08/2004	Công nghệ thông tin L	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
68	2122240073	Lê Thị Ngọc	Tuyền	11/05/2003	Tiếng Anh C	8.0	7.0	5.0	5.0	6.3	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
69	2122240065	H.	Yến	25/11/2003	Tiếng Anh C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	

TPHCM , ngày 06 tháng 11 năm 2023
Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – HP (23401315)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2122120569	Đặng Thùy	Anh	21/06/2003	Quản trị KD tổng hợp P	8.3	5.0	6,30	
2	2122270032	Bảo Ngọc Kim	Châu	27/12/2004	Quản trị nhà hàng A	0.0	0.0	0,00	Vắng
3	2122100024	Nguyễn Thị Mai	Chi	15/12/2003	Kế toán A	7.8	5.0	6,10	
4	2122100050	Trần Ngọc Kim	Chi	25/11/2004	Kế toán B	7.8	6.0	6,70	
5	2122120294	Chế Công	Chiến	19/02/2004	Quản trị KD tổng hợp I	6.5	7.0	6,80	
6	2122120302	Vũ Hoàng	Chương	28/01/2004	Quản trị KD tổng hợp I	7.3	5.0	5,90	
7	2122100058	Nguyễn Thị Kim	Đài	15/07/2004	Kế toán B	9.3	9.0	9,10	
8	2122120309	Huỳnh Thị Mỹ	Đoan	16/05/2003	Quản trị KD tổng hợp J	7.8	5.0	6,10	
9	2122100202	Phạm Thị Thu	Hà	01/01/2003	Kế toán F	7.8	5.0	6,10	
10	2123200184	Thái Nhật	Hà	25/03/2000	Quản trị xuất nhập khẩu B	5.0	5.0	5,00	
11	2122240068	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	10/06/2003	Tiếng Anh C	8.3	7.0	7,50	
12	2122110323	Dương Nhật	Hoài	30/12/2004	Công nghệ thông tin I	7.8	6.0	6,70	
13	2122100064	Trịnh Thị Kim	Huê	07/10/2004	Kế toán B	8.3	5.0	6,30	
14	2122120300	Trần Thị Thu	Huê	12/08/2004	Quản trị KD tổng hợp I	7.8	5.0	6,10	
15	2122120102	Lê Văn	Hùng	26/02/2001	Quản trị KD tổng hợp C	8.3	5.0	6,30	
16	2122100203	Đa Thị Huỳnh	Hương	28/04/2004	Kế toán F	7.3	6.0	6,50	
17	2122240077	Nguyễn Ngọc Kiều	Hương	05/05/2003	Tiếng Anh C	7.3	5.0	5,90	
18	2122100051	Nguyễn Ngọc Thanh	Lam	25/02/2004	Kế toán B	7.8	5.0	6,10	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2122100072	Tô Thị Phương	Loan	20/03/2004	Kế toán B	7.8	5.0	6,10	
20	2120170503	Nguyễn Đức	Lộc	22/09/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	0.0	0.0	0,00	Vắng
21	2122240110	Hoàng Thị	Mai	10/11/2001	Tiếng Anh D	7.8	5.0	6,10	
22	2122100054	Nguyễn Thị	Mai	04/11/2004	Kế toán B	7.8	6.0	6,70	
23	2120170661	Nguyễn Thanh	Minh	12/11/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	0.0	0.0	0,00	Vắng
24	2122100163	Lê Thị Diễm	My	20/02/2004	Kế toán E	5.8	5.0	5,30	
25	2122100049	Phan Trịnh My	My	27/12/2004	Kế toán B	7.3	5.0	5,90	
26	2122100196	Lê Thị Thu	Nam	06/10/2004	Kế toán F	5.8	5.0	5,30	
27	2121270056	Trương Hoài	Nam	31/07/2002	Quản trị nhà hàng B	5.0	5.0	5,00	
28	2122110364	Hồ Thị Huỳnh	Nghi	19/05/2004	Kế toán E	5.8	5.0	5,30	
29	2122120293	Nguyễn Thị Minh	Nghĩa	02/09/2004	Quản trị KD tổng hợp I	7.8	5.0	6,10	
30	2122100194	Hồ Thị	Ngọc	13/01/2003	Kế toán F	7.8	8.0	7,90	
31	2122240089	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	10/02/2004	Tiếng Anh C	7.3	5.0	5,90	
32	2122110413	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	17/06/2004	Công nghệ thông tin K	7.3	5.0	5,90	
33	2122100283	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	01/01/2002	Kế toán I	0.0	0.0	0,00	Vắng
34	2122100209	Lư Huỳnh Trúc	Nhã	27/02/2004	Kế toán F	8.3	5.0	6,30	
35	2122100178	Huỳnh Yên	Nhi	13/06/1999	Kế toán F	8.8	5.0	6,50	
36	2122120336	Lê Thị Quỳnh	Nhi	12/06/2004	Quản trị KD tổng hợp J	5.0	5.0	5,00	
37	2122270157	Nguyễn Thị Yên	Nhi	02/04/2004	Quản trị nhà hàng E	7.8	5.0	6,10	
38	2122100319	Phạm Ngọc Mỹ	Nhung	03/10/2004	Kế toán A	7.8	5.0	6,10	
39	2122120380	Nguyễn Thị Thu	Phương	21/09/2003	Quản trị KD tổng hợp L	0.0	0.0	0,00	Vắng
40	2122120444	Trương Ngọc Linh	Quy	15/07/2004	Quản trị KD tổng hợp M	7.3	5.0	5,90	
41	2122120328	Kiều Thị Như	Quỳnh	23/01/2004	Quản trị KD tổng hợp J	9.3	5.0	6,70	
42	2120170480	Lê Thanh	Sang	05/05/2001	Công nghệ kỹ thuật ô tô N	0.0	0.0	0,00	Vắng
43	2122110474	Hoàng Quốc Thành	Tâm	25/01/2004	Công nghệ thông tin L	8.8	7.0	7,70	
44	2122240148	Hoàng Đặng Thế	Tân	01/04/2004	Tiếng Anh E	5.5	5.0	5,20	
45	2122120473	Lê Thị Hồng	Thắm	04/10/2004	Quản trị KD tổng hợp N	7.3	5.0	5,90	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2122270042	Phạm Thị Thu	Thảo	07/12/2004	Quản trị nhà hàng B	0.0	0.0	0,00	Vắng
47	2121050028	Nguyễn Sỹ	Thiện	13/02/2002	Điện công nghiệp A	6.8	5.0	5,70	
48	2122110325	Nguyễn Bá	Thịnh	17/09/2001	Công nghệ thông tin I	5.0	5.0	5,00	
49	2122120443	Lý Thị Anh	Thơm	01/01/2004	Quản trị KD tổng hợp M	9.3	9.0	9,10	
50	2122240090	Đặng Trần Anh	Thư	24/11/2004	Tiếng Anh C	9.3	6.0	7,30	
51	2122100026	Võ Ngọc Anh	Thư	10/11/2004	Kế toán A	7.3	6.0	6,50	
52	2122100065	Đặng Hoài	Thương	01/11/2004	Kế toán B	6.3	5.0	5,50	
53	2122100145	Đặng Lê Như	Thương	25/10/2004	Kế toán E	5.0	5.0	5,00	
54	2122100020	Bạch Lê Như	Thùy	22/08/2003	Kế toán A	7.3	5.0	5,90	
55	2122240203	Đỗ Thị	Thủy	10/11/2001	Tiếng Anh D	6.3	5.0	5,50	
56	2122100181	Lê Thị Cẩm	Tiên	09/11/2004	Kế toán F	7.3	5.0	5,90	
57	2122030113	Huỳnh Minh	Toàn	07/11/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	5.0	5.0	5,00	
58	2122100195	Phạm Thị Ngọc	Trâm	13/03/2004	Kế toán F	7.8	5.0	6,10	
59	2122270150	Hồ Lương Huyền	Trân	22/08/2004	Quản trị nhà hàng E	7.8	5.0	6,10	
60	2122100025	Lâm Bảo	Trân	26/11/2004	Kế toán A	7.8	5.0	6,10	
61	2122100044	Huỳnh Thị Huyền	Trang	07/11/2004	Kế toán B	7.8	7.0	7,30	
62	2122100183	Phạm Ngọc	Trang	19/04/2004	Kế toán F	9.3	7.0	7,90	
63	2122100190	Võ Ngọc Lan	Trinh	30/04/2004	Kế toán F	8.3	5.0	6,30	
64	2122240107	Ông Thị Cẩm	Trúc	05/01/2004	Tiếng Anh D	7.8	5.0	6,10	
65	2121200110	Bùi Quang	Trường	21/01/2002	Quản trị xuất nhập khẩu D	0.0	0.0	0,00	Vắng
66	2121050029	Võ Thành	Tuân	17/11/2003	Điện công nghiệp A	7.3	5.0	5,90	
67	2122110476	Vũ Văn	Tùng	22/08/2004	Công nghệ thông tin L	7.8	5.0	6,10	
68	2122240073	Lê Thị Ngọc	Tuyền	11/05/2003	Tiếng Anh C	6.3	6.0	6,10	
69	2122240065	H.	Yên	25/11/2003	Tiếng Anh C	7.8	7.0	7,30	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
-----	-------	-----------	-----------	---------	----------------------	-------------	---------------------	---------

TPHCM , ngày 06 tháng 11 năm 2023
Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình